

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8- 2022
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc
2. Ông Nguyễn Đông Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Châu K, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp T, xã V, Huyện B, tỉnh H (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp T, xã V, Huyện B, tỉnh H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Châu K trình bày: Hôn nhân của anh với chị Huỳnh Thị Ngọc N là tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 22/01/2014. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên anh chị đã ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Do đó, anh K yêu cầu ly hôn với chị N; Về con chung thì anh chị

có 02 người con chung là cháu Phan Gia H1, sinh ngày 06/8/2011 và cháu Phan Minh H2, sinh ngày 19/9/2017. Cháu Phan Gia H1 đang sống chung với anh, cháu Phan Minh H2 đang sống chung với chị N. Khi ly hôn anh K yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H1, thống nhất giao cháu H2 cho chị N nuôi dưỡng. Anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H2 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc N trình bày: Hôn nhân của chị với anh Phan Châu K là tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên anh chị đã ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Chị đồng ý ly hôn với anh K; Về con chung thì anh chị có 02 người con chung là cháu Phan Gia H1, sinh ngày 06/8/2011 và cháu Phan Minh H2, sinh ngày 19/9/2017. Cháu Phan Gia H1 đang sống chung với anh K, cháu Phan Minh H2 đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị thống nhất giao cháu H1 cho anh K nuôi dưỡng, chị nuôi dưỡng cháu H2. Chị đồng ý việc anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H2 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do các đương sự tự nguyện ly hôn và đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong vụ án về hôn nhân và gia đình nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành các vấn đề có tranh chấp trong vụ án. Đến ngày 05/8/2022, anh Phan Châu K nộp văn bản ý kiến không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Những nội dung khác trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/8/2022 thì vẫn giữ nguyên. Tòa án thông báo về việc anh K thay đổi ý kiến không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nhưng chị N không có ý kiến gì về việc thay đổi ý kiến của anh K.

Tại phiên tòa, anh K trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị N; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết; về con chung thì anh K đang nuôi dưỡng cháu H1, cháu H1 học lớp 6, nhà gần trường nên cháu tự đi học bằng xe đạp điện. Anh K trình bày bản thân làm nghề phụ hồ, thu nhập mỗi ngày 200.000 đồng, công việc gần nhà nên anh đi làm trong ngày (sáng đi chiều về), anh sống cùng cha mẹ nên có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên anh K yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H1. Anh K

giao cháu H2 cho chị N nuôi dưỡng, anh và chị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị N trình bày: Chị còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn nhưng anh K kiên quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết; chị đang làm công nhân ở Bình Dương, thu nhập mỗi tháng khoảng 4.500.000 đồng, do chị ở nhà trọ nên hiện tại chị gửi cháu H1 cho chị ruột nuôi dưỡng và đưa rước đi học tại xã Vĩnh Tường, Huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Do chị ở nhà trọ và làm công nhân nên điều kiện nuôi dưỡng các con không đảm bảo nên chị đồng ý giao cả hai con cho anh K nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Trường hợp anh K không đồng ý nuôi cả hai con thì chị sẽ nuôi cả hai con để đảm bảo cho hai con được sống cùng nhau nhưng chị phải đem cả con chung lên Bình Dương sinh sống cùng chị.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự là đúng pháp luật; Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung đề nghị giao cả hai con chung cho anh K nuôi dưỡng để ổn định về cuộc sống, tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; Về án phí hôn nhân gia đình và sơ thẩm buộc đương sự chịu theo quy định pháp luật; về yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định, thống nhất thời gian ly thân; có hai con chung; tài sản chung và nợ chung đều không có.

Các tình tiết mà các bên đã không thống nhất: Bị đơn không thuận tình ly hôn; nguyên đơn yêu cầu nuôi cháu Phan Gia H1 và giao cháu Phan Minh H2 cho bị đơn nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; bị đơn yêu cầu nguyên đơn nuôi cả hai con và bị đơn sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng hoặc bị đơn sẽ nuôi cả hai con và yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn và giải quyết về con chung. Thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn có địa chỉ tại ấp V, xã T, huyện v, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang;

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 22/01/2014, giữa nguyên đơn với bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân (đăng ký kết hôn) nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn anh K với bị đơn chị N đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh H. Thời điểm anh chị đăng ký kết hôn, thì anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể sống chung với nhau được nữa nên anh đã ly thân từ khoảng tháng 02/2022 cho đến nay. Anh K nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị N. Theo biên bản xác minh ngày 25/7/2022, anh chị có hai người con chung, về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn giữa anh chị thì chính quyền địa phương không rõ. Tại phiên tòa, anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, chị N cũng thống nhất ly hôn. Như vậy, từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về nuôi dưỡng con chung: Giữa anh K với chị N có hai người con chung là cháu Phan Gia H1, sinh ngày 06/8/2011 và cháu Phan Minh H2, sinh ngày 19/9/2017. Cháu H1 đang sống chung với anh K, cháu H2 đang sống chung với người thân của chị N. Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 02/8/2022, cháu H1 có nguyện vọng được sống chung với cha. Theo biên bản xác minh

ngày 25/7/2022, thì anh chị có hai người con chung. Khi ly hôn, anh K chỉ yêu cầu nuôi dưỡng cháu H1, chị N đề nghị anh K nuôi dưỡng cả hai con chung để cho hai cháu được sống cùng nhau và nhằm ổn định nơi ăn ở, học tập cho cả hai cháu và chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Trường hợp anh K không đồng ý nuôi cả hai con thì chị N yêu cầu được nuôi cả hai con và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Xét thấy điều kiện nuôi con của anh K đảm bảo hơn chị N, cháu H1 do anh K đang nuôi dưỡng và cháu H1 cũng có nguyện vọng được sống chung với anh K. Đối với cháu H2 có thời gian sống chung với cha mẹ cùng gia đình bên nội đã lâu, sau khi anh chị ly thân thì cháu H2 sống với mẹ khoảng một tháng thì chị N không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 nên chị N đã gửi cháu H1 cho chị ruột nuôi dưỡng là ảnh hưởng đến quyền được sống chung với cha mẹ của trẻ em. Do đó, để đảm bảo quyền được sống chung với cha mẹ của trẻ em theo Luật Trẻ em, cũng như để ổn định về cuộc sống, tâm lý, sự phát triển toàn diện của trẻ em và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H1, nên cần thiết phải giao cả hai con chung cho anh K nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Đối với nguyên đơn anh K chỉ yêu cầu nuôi cháu H1, giao cháu H2 cho chị N nuôi dưỡng nên anh K yêu cầu không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án buộc anh nuôi cả hai con thì anh yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Đối với bị đơn chị N đề nghị anh K nuôi cả hai con và chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi các cháu thành niên. Trường hợp anh K không đồng ý nuôi cả hai con thì chị yêu cầu được nuôi cả hai con và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”; đối với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng theo Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới 1/2 mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng. Do con hai con chung được giao cho anh K nuôi dưỡng, để đảm bảo về điều kiện tài chính nuôi dạy con chung về sau thì việc chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị N. Chị N sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Gia H1 và cháu Phan Minh H2 mỗi tháng là 2.000.000 đồng/hai cháu, phương thức cấp dưỡng là hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi

nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn anh Phan Châu K phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc N phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 57, 81, 82, 83, 116, 117, 118, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 22 Luật Trẻ em; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phan Châu K. Cho anh Phan Châu K với chị Huỳnh Thị Ngọc N được ly hôn.

2. Về nuôi dưỡng con chung:

Giao cháu Phan Gia H1, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2011 và cháu Phan Minh H2, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2017 cho anh Phan Châu K trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Huỳnh Thị Ngọc N. Chị Huỳnh Thị Ngọc N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Gia H1, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2011 và cháu Phan Minh H2, sinh

ngày 19 tháng 9 năm 2017 với số tiền là 2.000.000 đồng/hai cháu/tháng, phương thức cấp dưỡng là hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày tuyên án (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Anh Phan Châu K phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002879, ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí, anh Phan Châu K đã nộp xong, không phải nộp thêm.

Án phí cấp dưỡng: Chị Huỳnh Thị Ngọc N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND Huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS Huyện Vị Thủy;
- UBND xã Vĩnh Tường, Huyện Vị Thủy;
- Công TTĐTANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Quyền Trân